

BẢNG TỔNG KẾT GIỜ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
NĂM HỌC 2014 - 2015
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Nguyễn Sanh Cường			27	263	290	500	0	500	0	210	0,0	65,6	
2	Nguyễn Văn Danh			21	0	21	500	0	500	0	479	0,0	149,7	
3	Bùi Văn Dũng			3	24	27	500	0	500	0	473	0,0	147,8	
4	Lê Tất Đạt			21	90	111	500	0	500	0	389	0,0	121,6	
5	Đặng Ngọc Đoàn			21	24	45	500	0	500	0	455	0,0	142,2	
6	Nguyễn Văn Đôn		103	21	143	267	500	0	500	0	233	0,0	72,8	_SKKN năm học 2014-2015
7	Nguyễn Văn Giang		103	57	361	521	600	0	600	0	79	0,0	28,2	_Giáo viên trung học cao cấp _SKKN năm học 2014-2015
8	Nguyễn Thị Thu Hồng			21	24	45	500	0	500	0	455	0,0	142,2	
9	Lâm Thanh Hùng			21	24	45	500	0	500	0	455	0,0	142,2	

TT	Họ và tên		Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
			Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
10	Trần Việt	Khánh			3	24	27	500	0	500	0	473	0,0	147,8	
11	Nguyễn	Khoa			18	318	336	500	0	500	0	164	0,0	51,3	
12	Vũ Thị Thái	Linh		103	21	87	211	500	0	500	0	289	0,0	90,3	_SKKN năm học 2014-2015
13	Nguyễn Văn	Minh			49	259	308	500	0	500	0	192	0,0	60,0	_Dự thi GV dạy giỏi cấp toàn quốc
14	Lê Quý Hưng	Quốc		103	24	167	294	500	0	500	0	206	0,0	64,4	_SKKN năm học 2014-2015
15	Nguyễn Nguyên Hoàng Ngọc	Quyên			3	0	3	500	275,6	224,4	0	221,4	0,0	69,2	_Nghỉ hộ sản từ 09/12/2014 đến hết ngày 08/06/2015, Khối lượng NCKH tính giảm 23 tuần _Nuôi con nhỏ từ 09/6/2015 - 15/8/2015 Khối lượng NCKH tính giảm 10 tuần
16	Lê Hồng	Thái			21	24	45	500	0	500	0	455	0,0	142,2	
17	Nguyễn Thị Khánh	Thư			31	24	55	500	0	500	0,0	445	0,0	139,1	
18	Nguyễn Thị	Thủy			21	263	284	500	0	500	0	216	0,0	67,5	
19	Võ Anh	Trang			21	24	45	500	0	500	0	455	0,0	142,2	
20	Lê Phi	Trường			21	3	24	500	0	500	0	476	0,0	148,8	
21	Nguyễn Ngọc	Tuyên			21	3	24	500	0	500	0	476	0,0	148,8	
22	Dương Ngọc	Vọng			21	0	21	500	0	500	0	479	0,0	149,7	

TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
23	Trần Vĩnh Xuyên		103	21	133	257	500	0	500	0	243	0,0	75,9	_SKKN năm học 2014-2015
24	Đỗ Thị Hải Yến		103	21	24	148	500	0	500	0	352	0,0	110,0	_SKKN năm học 2014-2015
	Tổng cộng		618	530	2.306	3.454	12.100	275,6	11.824	0	8.370,4	0,0	2.619,5	

Ngày.....tháng.....năm.....

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG QLKH-HTQT

TRƯỞNG KHOA

NGUYỄN NGỌC TRANG

NGUYỄN VĂN MINH